

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Áp lực bán ròng từ khối ngoại

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đoàn Thị Xuân Mai

mai.dtx@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Thế giới

- **Tuần đầu bùng nổ xung đột Mỹ - Israel và Iran** đã gây áp lực lớn lên chứng khoán thế giới, khiến các nhà đầu tư tìm đến vàng và USD như những kênh trú ẩn an toàn. Giá dầu WTI và giá xăng tăng vọt trong bối cảnh lo ngại về rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, làm gia tăng áp lực lạm phát, gây khó khăn cho quá trình phát triển kinh tế.

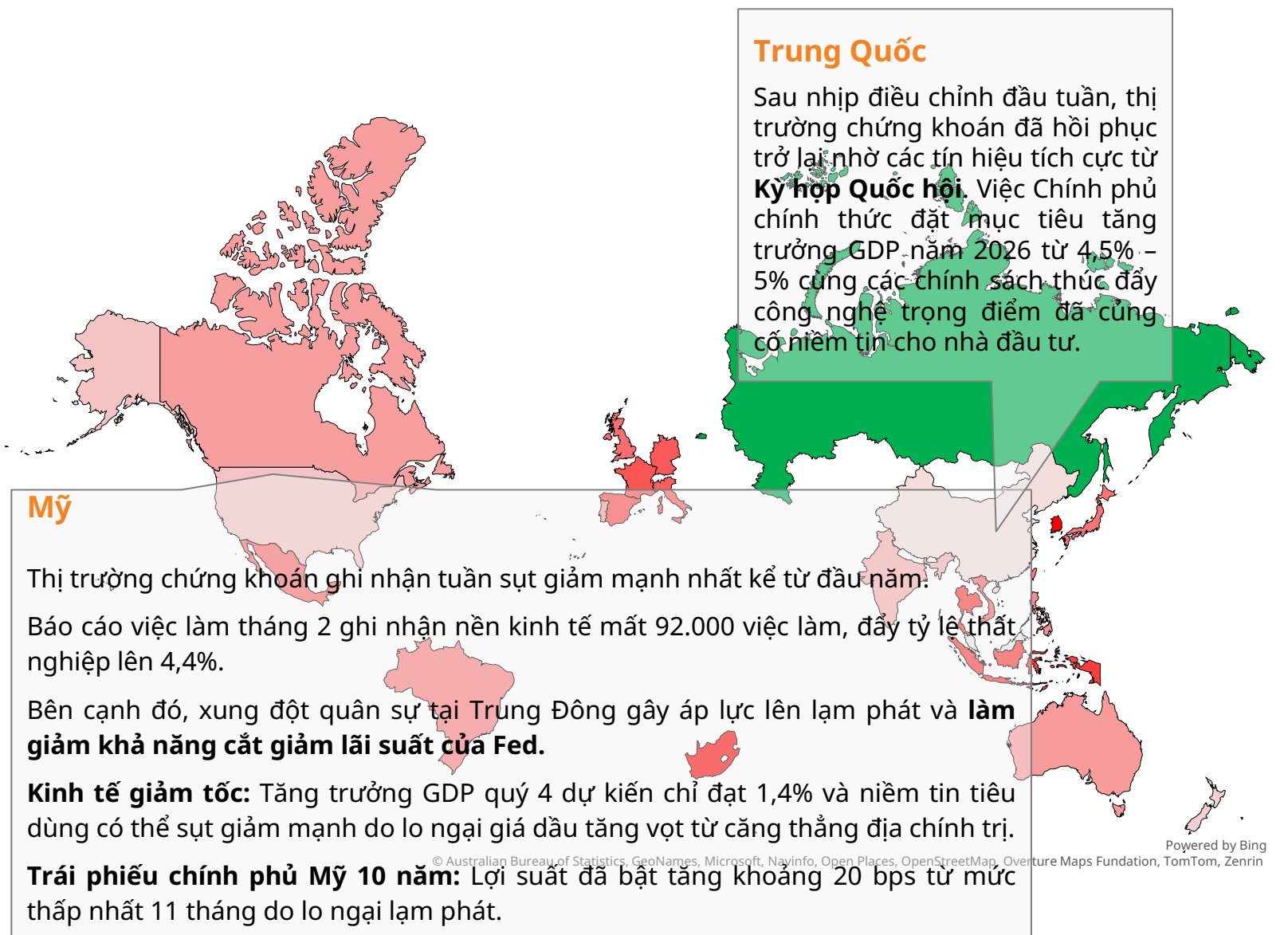
Việt Nam

• Tiêu điểm tuần:

- **Việt Nam – EAEU** tăng tốc hợp tác, mở hướng kết nối hàng không
 - **Thủ tướng:** Cả nước đã hoàn thành và khởi công hơn 4.000 km đường bộ cao tốc
 - **Việt Nam – Bồ Đào Nha:** Hướng tới mục tiêu kim ngạch 1 tỷ đô và hợp tác năng lượng sạch
 - **PV GAS:** Đảm bảo nguồn cung LNG và LPG trước biến động địa chính trị
 - **Vietcombank:** Thành lập ngân hàng con tại IFC và kế hoạch tăng vốn điều lệ
 - **Ngân sách & Đầu tư công:** thu nội địa khởi sắc, áp lực giải ngân hai tháng đầu năm 2026
- **Tỷ giá tự do và lãi suất liên ngân hàng tăng so với tuần trước đó** (lãi suất qua đêm 5,74%, +219 bps WoW). **NHNN tiếp tục bơm ròng qua OMO.**
 - **VN-Index: 1.767,8 điểm (-5,98% WoW).** GTGD bình quân 38,5 nghìn tỷ đồng/ngày (+36% WoW); **Nguyên vật liệu, Xây dựng cơ bản, Dịch vụ tài chính, Dầu khí, Vận tải, Tiện ích và Bán lẻ** thu hút dòng tiền.
 - **Ngưỡng hỗ trợ quan trọng cần chú ý tại vùng 1.700 điểm.** Lực cầu bắt đáy có thể xuất hiện tại vùng hỗ trợ này; tuy nhiên, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động cao và xu hướng luân chuyển dòng tiền diễn ra nhanh giữa các nhóm ngành. Những cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, có câu chuyện tăng trưởng lợi nhuận rõ ràng trong kỳ ĐHCĐ sắp tới và định giá rẻ được kỳ vọng sẽ thu hút được dòng tiền của thị trường.
 - **Định giá:** P/E VN-Index điều chỉnh về mức 15,9x, thấp hơn so với trung bình 5 năm.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1,767.8	-6.0
Mỹ	SPX	6,740.0	-2.0
Canada	TSX	33,083.7	-3.7
Nhật	NKY	55,620.8	-5.5
Trung Quốc	SHCOMP	4,124.2	-0.9
Hồng Kông	Hang Seng	25,757.3	-3.3
Đài Loan	TWSE	33,599.5	-5.1
Hàn Quốc	KOSPI	5,584.9	-10.6
Ấn Độ	SENSEX	78,918.9	-2.9
Indonesia	JCI	7,585.7	-7.9
Thái Lan	SET	1,410.4	-7.7
Singapore	STI	4,848.3	-2.9
Malaysia	FBMKLCI	1,718.1	0.1
Philippines	PSEi	6,320.4	-4.4
UK	FTSE 100	10,284.8	-5.7
Pháp	CAC 40	7,993.5	-6.8
Đức	DAX	23,591.0	-6.7
Nga	MOEX	2,854.1	1.0
Úc	ASX 200	8,851.0	-3.8
New Zealand	NZX 50	13,519.4	-1.5



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và Investing, cập nhật tới 06/03/2026. Màu trên biểu đồ thế giới đại diện cho mức biến động tuần của các chỉ số chứng khoán các nước.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

- **Giá dầu thô WTI tăng cao, vượt ngưỡng 89 USD/thùng, tăng mạnh hơn 35% trong tuần qua.** Đà tăng phi mã này được thúc đẩy bởi lo ngại đứt gãy nguồn cung toàn cầu khi căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ, Israel và Iran leo thang. Đây là mức giá cao nhất trong nhiều tháng, gây áp lực trực tiếp lên chi phí sản xuất và lạm phát toàn cầu.
- **Vàng:** Dù ghi nhận mức giảm 2% trong tuần qua, vàng vẫn ghi nhận mức tăng trưởng cao lên tới 23% trong vòng 3 tháng qua. Vai trò tài sản trú ẩn an toàn của vàng vẫn được đề cao trong bối cảnh bất ổn địa chính trị gia tăng.
- Không chỉ năng lượng, **các mặt hàng khác cũng ghi nhận mức tăng đột biến: Xăng (+32,2% WoW) và Than (+20,4% WoW).**

Một số loại hàng hóa theo dõi	Giá	Thay đổi giá (%)			
		1 tuần	1 tháng	3 tháng	1 năm
Giá vàng (USD/ozt)	5,172	-2.0	4.2	23.2	77.6
Chỉ số giá hàng hóa Bloomberg	131	8.1	10.6	17.4	25.9
Năng lượng					
Dầu thô WTI (USD/bbl.)	91	35.6	39.5	51.3	37.0
Dầu Brent (USD/bbl.)	93	27.9	33.4	45.4	33.4
Xăng (USD/gal.)	275	32.2	39.8	49.8	30.7
Khí tự nhiên (USD/MBBtu)	3	11.4	-8.1	-39.8	-25.9
Than (USD/T)	130	20.4	31.2	34.1	36.3
Kim loại					
Thép (USD/MT)	3,090	0.6	2.8	0.8	-4.3
HRC (USD/T)	1,018	0.1	4.3	12.1	10.4
Quặng sắt (USD/T)	100	0.1	-2.3	-0.5	4.6
Đồng (USD/Lbs)	576	-4.1	-1.6	7.0	20.5
Nickel (USD/T)	17,290	-2.2	0.5	17.1	7.3
Nhôm (USD/MT)	3,495	11.3	14.5	21.8	28.8
Nông nghiệp					
Bắp (USD/bu.)	447	1.9	4.1	2.3	-0.6
Lúa mì (USD/bu.)	611	3.4	16.0	13.7	13.8
Đậu nành (USD/bu.)	1,185	2.4	8.5	7.2	16.9
Đường (USD/lb.)	14	-1.4	-2.4	-4.7	-22.2
Cao su (USD/kg)	196	-4.4	3.1	14.1	-3.7
Heo (USD/Lbs)	96	-0.1	8.7	17.1	10.4
Chỉ số vận tải biển quốc tế					
Baltic Dry Index (điểm)	2,138	-0.1	9.4	-21.6	66.3
Capesize	2,951	-3.4	-1.4	-41.9	41.7
Panamax	1,997	2.8	18.5	8.7	101.3
Supramax	1,392	4.0	27.5	-3.1	61.1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 06/03/2026.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Sự kiện thế giới chính trong tuần

- **Mỹ:** Thị trường tập trung theo dõi chỉ số CPI tháng 2 với mức dự báo 2,5%, kết hợp cùng với PCE có thể tác động đến kỳ vọng về lộ trình lãi suất của Fed. Kỳ vọng của thị trường hiện đã điều chỉnh giảm, **dự báo sẽ có ít hơn hai đợt cắt giảm lãi suất (mỗi đợt 25 điểm cơ bản)** từ nay đến cuối năm 2026, thay vì mức ba lần như dự tính trước đó.

Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
9/3/2026				
8:30 AM	CN	CPI (Ước tính nhanh - YoY) (T2)	0.2%	0.8%
10/3/2026				
10:00 AM	CN	Cán cân Thương mại	\$114.1B	\$182B
10:00 AM	CN	Xuất khẩu (YoY) (T2)	6.6%	
10:00 AM	CN	Nhập khẩu (YoY)	5.70%	
11/3/2026				
7:30 PM	US	CPI cơ bản (Ước tính nhanh - MoM) (T2)	0.3%	0.2%
7:30 PM	US	CPI cơ bản (Ước tính nhanh - YoY) (T2)	2.5%	2.5%
7:30 PM	US	CPI (Ước tính nhanh - MoM) (T2)	0.2%	0.2%
7:30 PM	US	CPI (Ước tính nhanh - YoY) (T2)	2.4%	2.5%
12/3/2026				
7:30 PM	US	Giấy phép Xây dựng (Sơ bộ)	1.455M	1.390M
7:30 PM	US	Số nhà khởi công xây dựng (YoY)	1.404M	1.340M
13/03/2026				
7:30 PM	US	PCE cơ bản (T1)	0.4%	0.4%
7:30 PM	US	Đơn đặt hàng Lâu bền (MoM) (T1)	-1.4%	1.2%
7:30 PM	US	Tốc độ tăng trưởng GDP Q4 (QoQ)	4.4%	1.4%
7:30 PM	US	Thu nhập Cá nhân (MoM) (T1)	0.3%	0.4%
7:30 PM	US	Chi tiêu Cá nhân (MoM) (T1)	0.4%	
9:00 PM	US	Báo cáo Cơ hội việc làm và Luân chuyển lao động (JOLTs) (T1)	6.542M	
9:00 PM	US	Tâm lý người tiêu dùng Đại học Michigan (Số liệu sơ bộ) (T3)	56.6	56.3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics và Bloomberg. Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Việt Nam – EAEU tăng tốc hợp tác, mở hướng kết nối hàng không



- Đây là hợp tác kinh tế – thương mại giữa Việt Nam và EAEU, **khối gồm 5 quốc gia: Nga, Belarus, Kazakhstan, Armenia và Kyrgyzstan.**
- **Hiệu quả thương mại:** Kim ngạch năm 2025 đạt gần 6 tỷ đô (tăng 5% YoY), tiệm cận mức đỉnh 6,3 tỷ đô (năm 2021).
- **Đột phá hạ tầng logistics:**
 - Thúc đẩy thiết lập đường bay thẳng giữa Việt Nam với tất cả các nước thành viên EAEU (đặc biệt là tuyến Việt Nam – Astana).
 - Phát triển chuỗi cung ứng đường biển và đường sắt khổ tiêu chuẩn qua Trung Quốc để kết nối hàng hóa sang Trung Á.
- **Tháo gỡ rào cản kỹ thuật:** Đề xuất xóa bỏ biện pháp phòng vệ ngưỡng, nâng hạn ngạch và mở rộng nhập khẩu nông thủy sản, điện tử từ Việt Nam.
- **Điều chỉnh chiến lược:** Nhất trí đánh giá lại Hiệp định FTA sau 10 năm thực thi để điều chỉnh phù hợp bối cảnh mới; dự kiến tổ chức kỷ niệm 10 năm ký kết vào năm 2026.
- **Hợp tác Việt Nam – Kazakhstan:** Nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược (tháng 5/2025); kế hoạch mở Cơ quan đại diện thương mại Việt Nam tại Trung Á (đặt tại Kazakhstan).
- **Lĩnh vực mới:** Thúc đẩy hợp tác sâu trong chuyển đổi số và chia sẻ kinh nghiệm phát triển trung tâm tài chính quốc tế.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Thủ tướng: Cả nước đã hoàn thành và khởi công hơn 4.000 km đường bộ cao tốc năm 2026

- **Phấn đấu đạt 5.000 km đường bộ cao tốc vào năm 2030 theo Nghị quyết Đại hội XIV.**
- **Danh sách các tuyến cao tốc và dự án được đề cập**
 - Tuyến huyết mạch:
 - 1. Toàn tuyến cao tốc Bắc - Nam (đoạn từ Cao Bằng đến Cà Mau):** Đã cơ bản hoàn thành và thông xe kỹ thuật.
 - 2. Cao tốc Bắc - Nam đoạn từ Quảng Ngãi đến Khánh Hòa.**
 - Các dự án yêu cầu đánh giá khả năng hoàn thành (đã thông xe kỹ thuật):
 - 1) Tuyên Quang - Hà Giang; 2) Hữu Nghị - Chi Lăng; 3) Đồng Đăng - Trà Lĩnh; 4) Cao Lãnh - An Hữu; 5) Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; 6) Vành đai 3 TP.HCM; 7) Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng.**
 - Các dự án đang chuẩn bị/thúc đẩy đầu tư:
 - 1) Quy Nhơn - Pleiku; 2) Hòa Bình - Mộc Châu; 3) Bắc Kạn - Cao Bằng; 4) Các tuyến cao tốc trục ngang và đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành.**
- **Các chỉ đạo trọng tâm của Thủ tướng**
 - **Chiến dịch Đông Khê năm 2026:** Hoàn thành giai đoạn 1 của hai dự án Hữu Nghị - Chi Lăng và Đồng Đăng - Trà Lĩnh trong 85 ngày đêm (trước ngày 19/5/2026).
 - Bộ Tài chính đã trình cấp thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn Trung ương cho dự án **cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu và Bắc Kạn - Cao Bằng.**

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Việt Nam – Bồ Đào Nha: Hướng tới mục tiêu kim ngạch 1 tỷ USD và hợp tác năng lượng sạch



- **Trọng tâm năng lượng tái tạo:** Việt Nam khuyến khích doanh nghiệp Bồ Đào Nha đầu tư vào điện gió ngoài khơi, điện mặt trời và hạ tầng năng lượng dựa trên nguyên tắc "chia sẻ rủi ro, hài hòa lợi ích".
- **Chiến lược kinh tế biển:** Đẩy mạnh hợp tác thực chất trong các lĩnh vực thể mạnh tương đồng như: hàng hải, cảng biển, đóng tàu và logistics.
- **Thúc đẩy khung pháp lý EU:** Đề nghị Bồ Đào Nha ủng hộ các nước EU còn lại sớm phê chuẩn Hiệp định Bảo hộ đầu tư (EVIPA) và tận dụng tối đa lợi thế từ EVFTA.
- **Mở rộng hợp tác đa ngành:** Nghiên cứu khả năng miễn thị thực cho công dân hai nước; tăng cường hợp tác chuyển đổi số, y tế, giáo dục và du lịch.
- **Nền tảng ngoại giao:** Khẳng định ý nghĩa việc Bồ Đào Nha mở Đại sứ quán tại Việt Nam là dấu mốc quan trọng để làm sâu sắc quan hệ hữu nghị truyền thống hơn 500 năm.
- **Cam kết đa phương:** Nhất trí phối hợp tại các diễn đàn quốc tế, đề cao thượng tôn luật pháp quốc tế và UNCLOS 1982 để duy trì hòa bình, ổn định.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

PV GAS: Đảm bảo nguồn cung LNG và LPG trước biến động địa chính trị



- **Chủ động nguồn cung LNG:** Thu xếp thành công 2 chuyến tàu (tổng 140.000 tấn) với giá cạnh tranh trước khi thị trường tăng giá 50%. Kế hoạch nhập khẩu chuyến thứ 3 đang được triển khai.
- **Duy trì tồn kho:** Đảm bảo đủ khí sản xuất điện đến hết tháng 4/2026; mức tồn kho khả dụng hiện tại khoảng 15.000 tấn LNG.
- **Ứng phó rủi ro LPG:** Đa dạng hóa nguồn nhập khẩu ngoài Trung Đông (khu vực vốn chiếm 70% sản lượng nhập khẩu) để tránh đứt gãy chuỗi cung ứng do xung đột.
- **Tăng cường sản xuất nội địa:** Dự kiến tăng 5% sản lượng khí cung cấp cho thị trường thông qua việc tối ưu hóa huy động khí về bờ tại 2 nhà máy Dinh Cố và Cà Mau.
- **Giải pháp năng lượng tích hợp:** Linh hoạt chuyển đổi giữa khí đường ống, CNG, LNG để thay thế cho LPG, giúp khách hàng duy trì sản xuất liên tục.
- **Định hướng trung hạn:** Từ tháng 5/2026, tiếp tục bám sát chỉ đạo của Petrovietnam để huy động tối đa sản lượng khai thác trong nước, giảm phụ thuộc vào nguồn hàng nhập khẩu biến động.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Vietcombank: Thành lập ngân hàng con tại IFC và kế hoạch tăng vốn điều lệ



- **Thành lập ngân hàng tại IFC:** Trình ĐHĐCĐ chủ trương **thành lập ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước hoạt động tại Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam**. Đây là bước đi chiến lược nhằm mở rộng hiện diện và khai thác cơ chế đặc thù tại trung tâm tài chính mới.
- **Phương án tăng vốn:** Dự kiến thông qua tăng vốn điều lệ từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Việc này tận dụng Nghị quyết 29/NQ-CP (24/02/2026), cho phép giữ lại nguồn thu từ cổ phần hóa/thoái vốn để bổ sung vốn tự có thay vì nộp ngân sách.
- **Kết quả kinh doanh 2025 (YoY):**
 - **Lợi nhuận trước thuế:** 44.020 tỷ đồng (+4%).
 - **Tổng tài sản:** >2,4 triệu tỷ đồng (+17%).
 - **Dư nợ cho vay:** ~1,7 triệu tỷ đồng (+15%); trong đó tín dụng bán lẻ tăng trưởng mạnh mẽ (+18%).
 - **Huy động vốn:** ~1,7 triệu tỷ đồng (+10%).
- **Vai trò tái cơ cấu:** Tiếp tục tham gia tái cơ cấu Ngân hàng Xây dựng (VCBNeo); đồng thời kiến nghị Chính phủ có cơ chế bù đắp đặc thù khi thực hiện nhiệm vụ chính trị này.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Ngân sách & Đầu tư công: thu nội địa khởi sắc, áp lực giải ngân hai tháng đầu năm 2026

Chỉ tiêu	Giá trị (nghìn tỷ đồng)	Tỷ lệ so với dự toán	Biến động so với cùng kỳ (YoY)
Tổng thu NSNN	601,3	23,8%	+13,1%
-Thu nội địa	558,1	25,4%	+15%
- Thu từ dầu thô	5,1	11,9%	-42,2%
- Thu xuất nhập khẩu (cân đối)	38	13,7%	+1,2%
Tổng chi NSNN	311	9,8%	+11%
- Chi đầu tư phát triển	42,5	3,8%	-5,2%
- Chi trả nợ lãi		22,3%	
- Chi thường xuyên	241	13,3%	+14,8%

Kế hoạch và giải ngân Đầu tư công năm 2026

- Tính đến thời điểm báo cáo, **tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 đạt 1.008.610,9 tỷ đồng.**
- Cơ cấu kế hoạch vốn:**
 - Vốn Thủ tướng Chính phủ giao:** 995.348,05 tỷ đồng (tăng khoảng 93.000 tỷ đồng so với năm 2025);
- Ước tính kết quả giải ngân (đến 28/02/2026):**
 - Tổng giá trị giải ngân:** 55.739,8 tỷ đồng (đạt 5,6% kế hoạch Thủ tướng giao) tăng 10.928,6 tỷ đồng về giá trị tuyệt đối.

Huy động vốn qua Trái phiếu Chính phủ

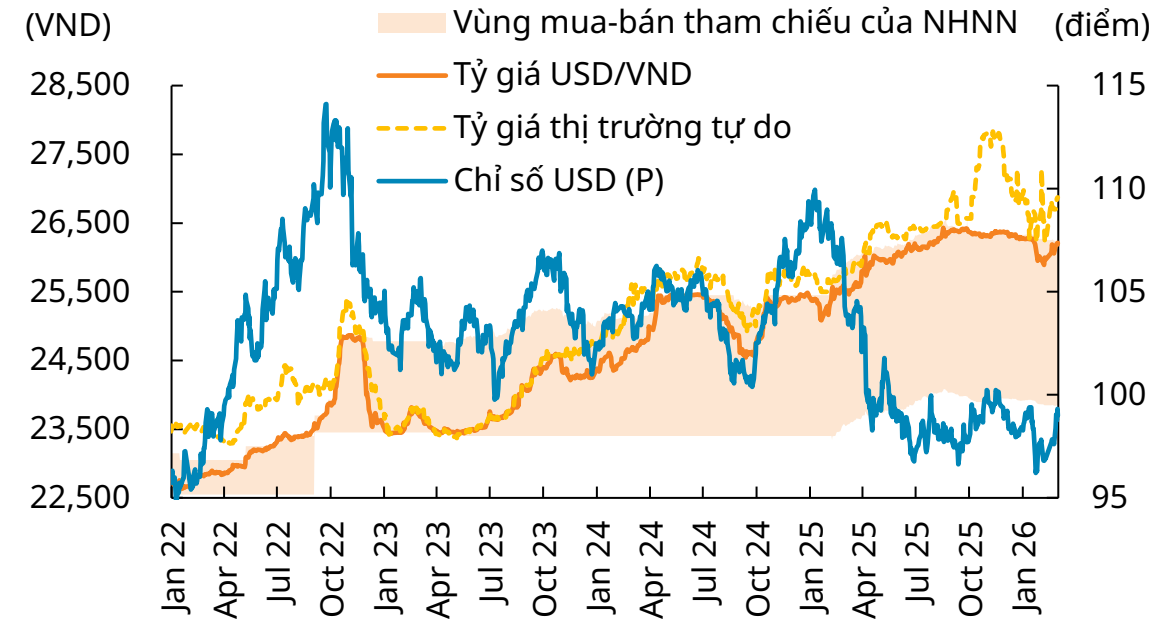
- Tổng khối lượng phát hành:** 60,5 nghìn tỷ đồng
- Kỳ hạn bình quân:** 10,03 năm với **lãi suất bình quân:** 4,05%/năm.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Lãi suất liên ngân hàng tăng trở lại

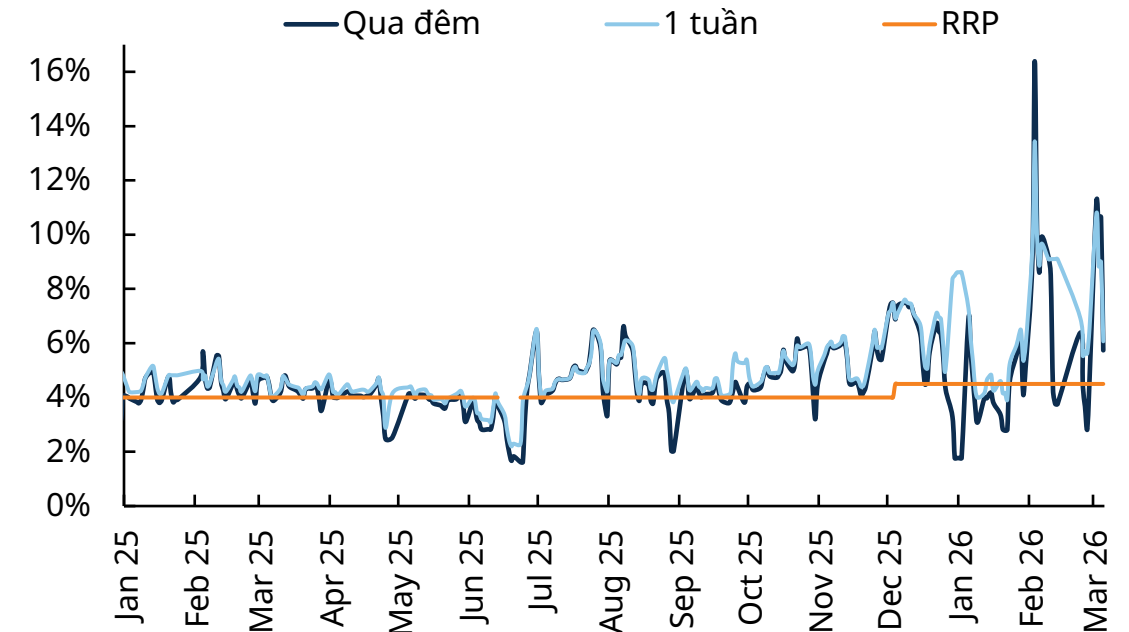
- **Tỷ giá USD/VND:** Tính đến 06/03, thị trường tự do (26.875; +0,66% WoW; +0,34% YTD) và tỷ giá bán tại VCB (26.309; +0,3% WoW; -0,26% YTD) **đều tăng so với tuần trước**. Tính từ đầu năm đến nay, **tỷ giá USD/VND trên thị trường tự do tăng trở lại do bất ổn địa chính trị**.
- Tính đến ngày 05/3, lãi suất liên ngân hàng tiếp tục tăng ở kỳ hạn qua đêm (5,74%, +219 bps WoW), 1 tuần (6,07%, +45bps WoW) và 2 tuần (6,07%, +45bps WoW).
- Trong tuần 02–06/3, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bơm hơn 170 nghìn tỷ đồng qua nghiệp vụ thị trường mở (mua kỳ hạn 7–63 ngày), tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5% (sau khi tăng 50bps kể từ ngày 3/12/2025). Theo đó, thanh khoản thị trường liên ngân hàng đã tăng hơn **162 nghìn tỷ đồng**.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 06/03/2026.

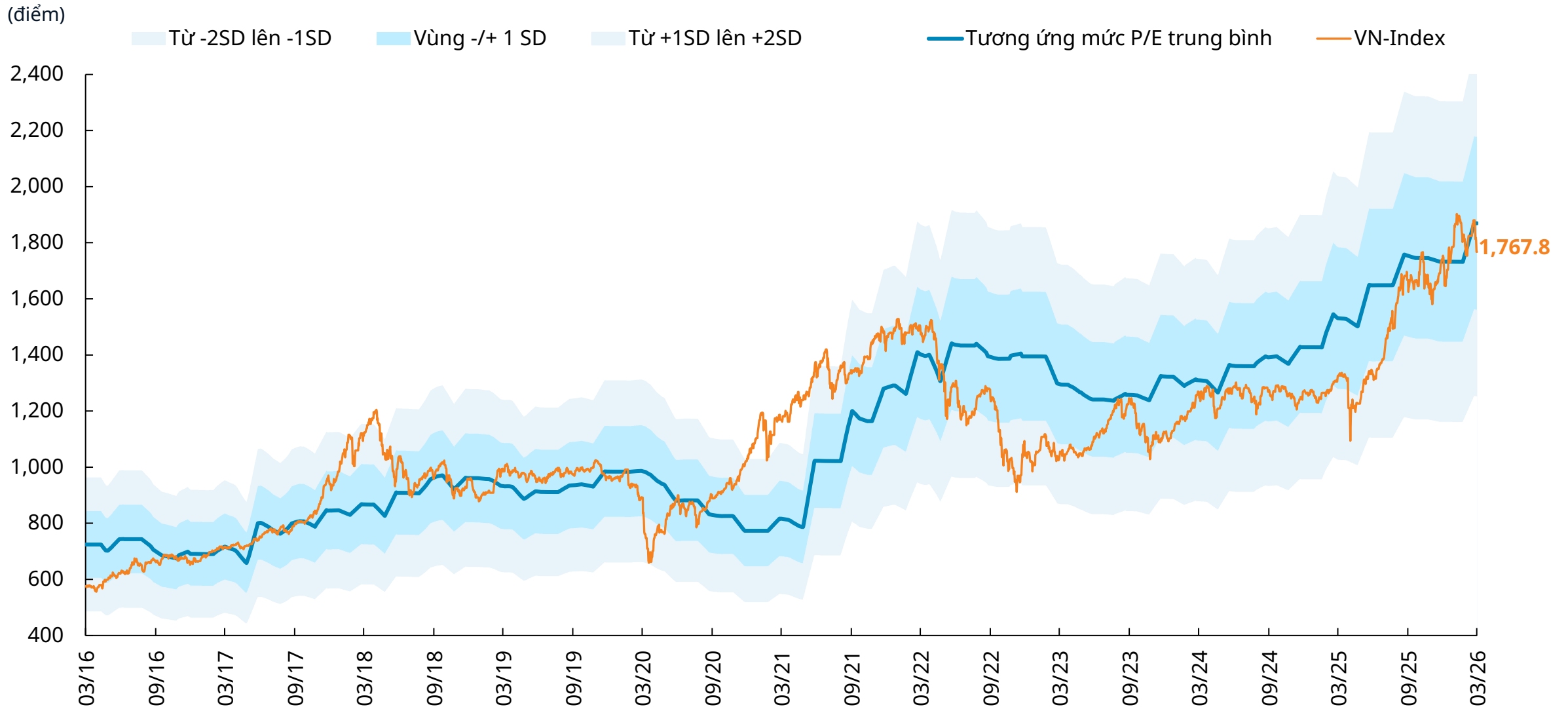
Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 05/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất: P/E thị trường ở mức 15,9x (so với trung bình dài hạn: 17x)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 06/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Áp lực bán ròng từ khối ngoại

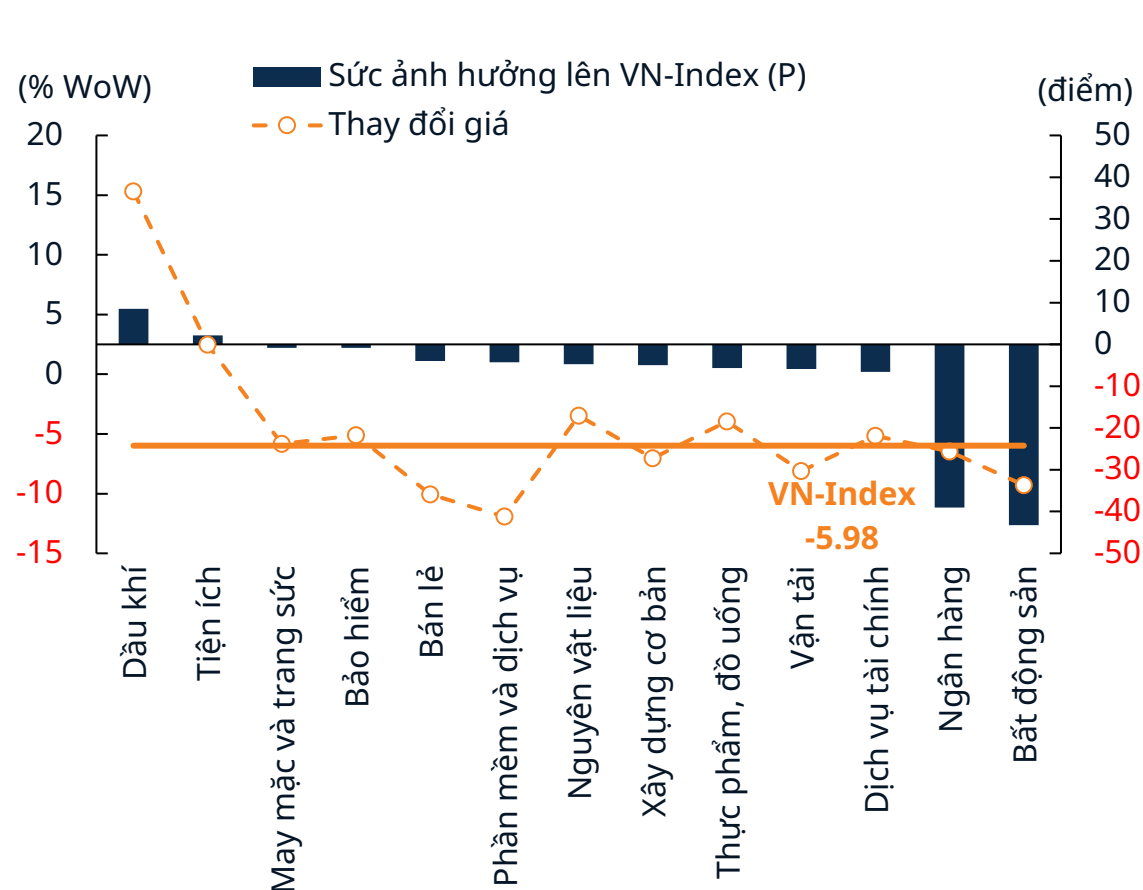
- **VN-Index: 1.767,8 điểm (-5,98% WoW).**
 - **Nhóm đóng góp tích cực: Dầu khí (BSR, PLX), Tiện ích (GAS)**
 - **Nhóm đóng góp tiêu cực: Bất động sản (VIC, VHM), Ngân hàng (TCB, BID)**
 - **Thanh khoản tăng 36% WoW, với GTGD bình quân 38,5 nghìn tỷ đồng/ngày. Dòng tiền tập trung vào Nguyên vật liệu, Xây dựng cơ bản, Dịch vụ tài chính và Dầu khí.**
 - **Tổ chức trong nước mua ròng 8,67 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: +20 nghìn tỷ đồng). Khối ngoại bán ròng 6,14 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: -19,9 nghìn tỷ đồng). Cá nhân trong nước bán ròng 2,53 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: -90 tỷ đồng).**
- **Ngưỡng hỗ trợ quan trọng cần chú ý tại vùng 1.700 điểm.** Lực cầu bắt đáy có thể xuất hiện tại vùng hỗ trợ này; tuy nhiên, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động cao và xu hướng luân chuyển dòng tiền diễn ra nhanh giữa các nhóm ngành. Những cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, có câu chuyện tăng trưởng lợi nhuận rõ ràng trong kỳ ĐHCĐ sắp tới và định giá rẻ được kỳ vọng sẽ thu hút được dòng tiền của thị trường.
- **Tuy nhiên, các yếu tố nội tại vẫn được chú trọng và là động lực hỗ trợ thị trường, bao gồm:**
 - Nâng hạng thị trường: tiềm năng tái định giá thị trường và cải thiện thanh khoản;
 - Cả ba thành phần kinh tế được chú trọng: Kinh tế Nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;
 - Sự hồi phục bán lẻ kỳ vọng tiếp tục duy trì;
 - Đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh trong 2026 và giai đoạn 2026–2030.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch của tuần theo ngành

Dầu khí, Tiện ích đóng góp tích cực.

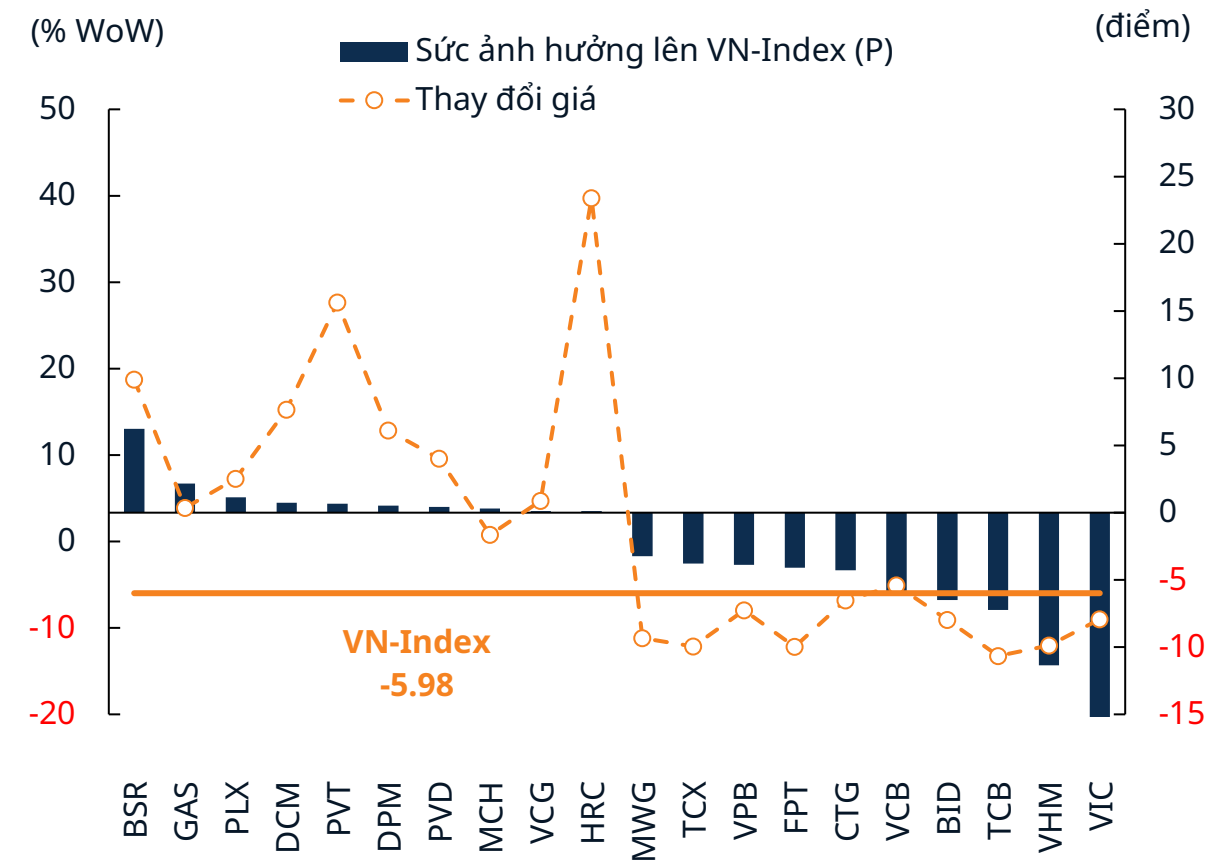
Bất động sản, Ngân hàng giảm điểm mạnh nhất.



Top cổ phiếu tác động trong tuần

BSR, GAS, PLX, DCM đóng góp tăng điểm chính.

VIC, VHM, TCB, BID đóng góp giảm điểm chính.



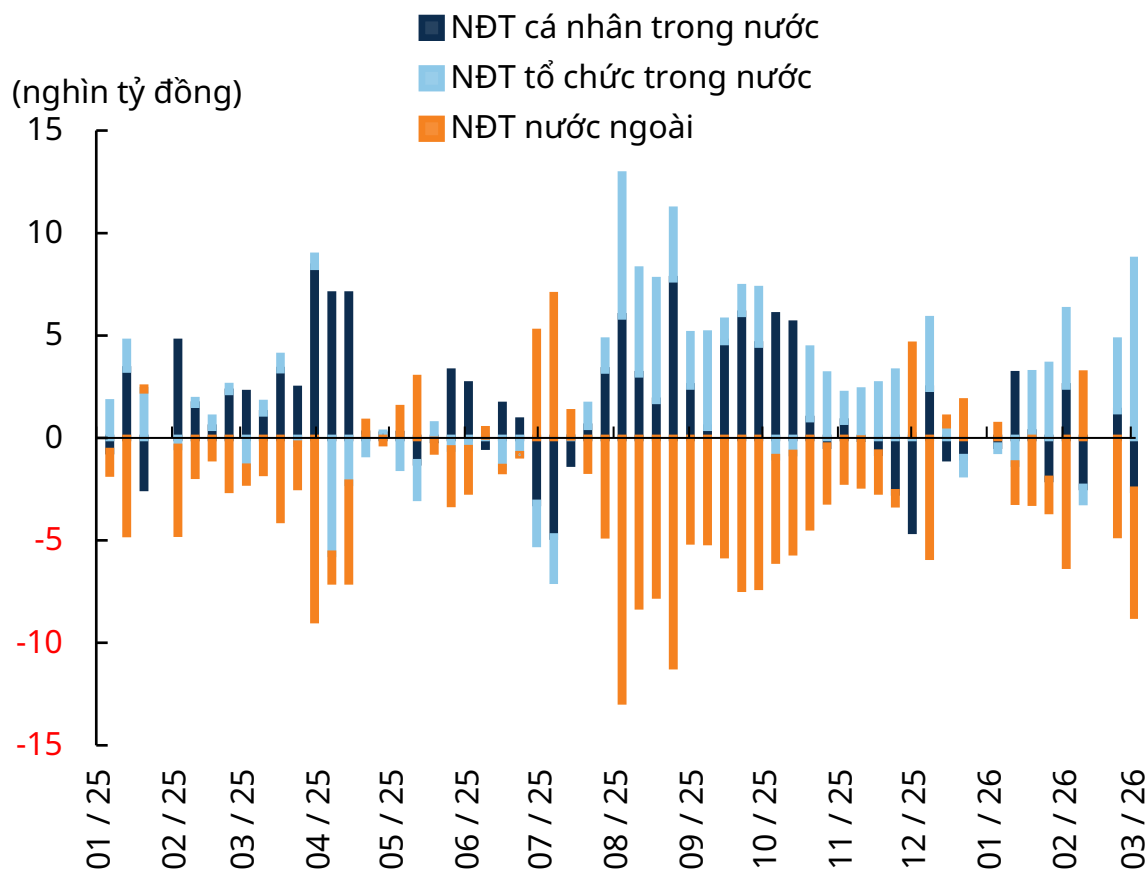
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 06/03/2026.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 06/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Giá trị giao dịch hàng tuần theo nhóm nhà đầu tư tại HOSE

Tổ chức trong nước mua ròng 8,67 nghìn tỷ đồng. Khối ngoại và Cá nhân trong nước lần lượt bán ròng 6,14 nghìn tỷ đồng và 2,53 nghìn tỷ đồng.



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 06/03/2026.

Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành

GTGD bình quân 38,5 nghìn tỷ đồng/ngày (+36% WoW). Dòng tiền tập trung vào **Nguyên vật liệu, Xây dựng cơ bản, Dịch vụ tài chính, Dầu khí, Vận tải, Tiện ích và Bán lẻ.**

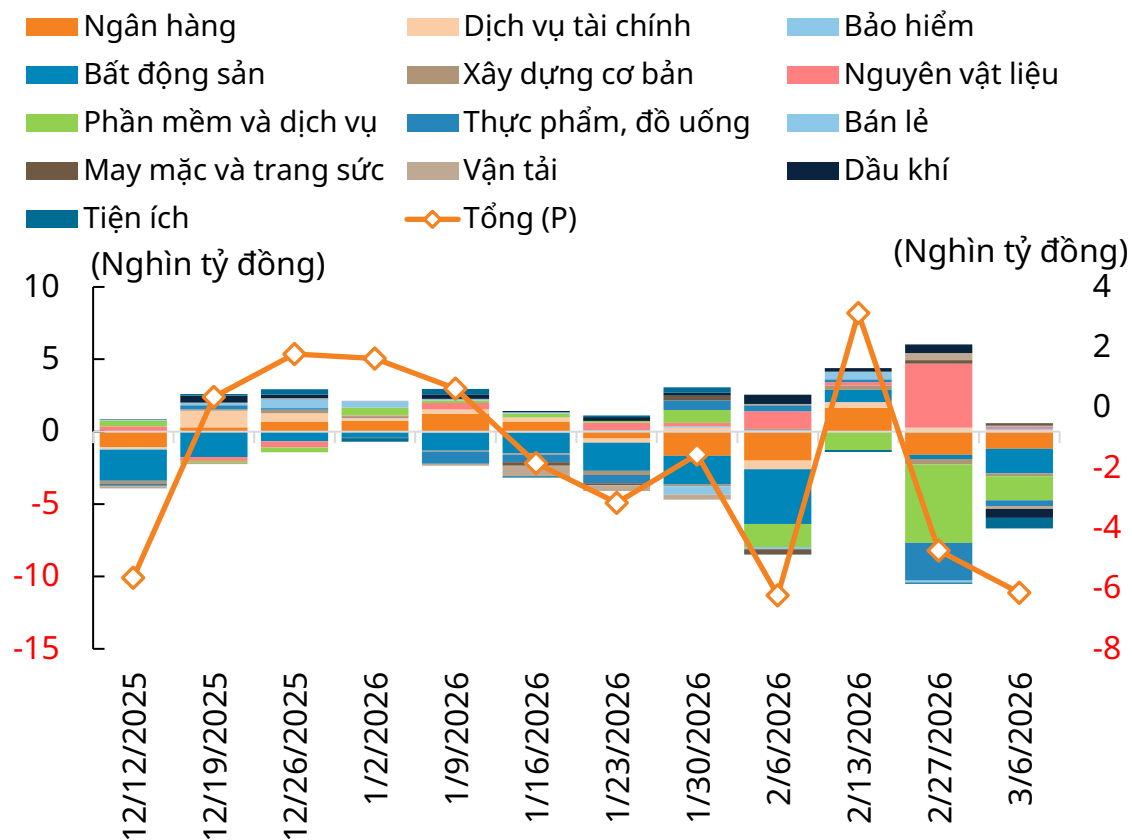
Phân ngành GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	6/2/2026	13/2/2026	27/2/2026	6/3/2026	
VN-Index				85%	36%
Nguyên vật liệu				92%	11%
Xây dựng cơ bản				92%	15%
Dịch vụ tài chính				92%	83%
Dầu khí				92%	89%
Vận tải				92%	52%
Tiện ích				92%	165%
Bán lẻ				92%	76%
Phần mềm và dịch vụ				85%	-32%
May mặc và trang sức				77%	37%
Ngân hàng				69%	25%
Thực phẩm, đồ uống				62%	40%
Bảo hiểm				46%	0%
Bất động sản				46%	34%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. **Quy tắc đánh giá của chúng tôi:** Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. **Tích cực (xanh)** biểu thị 33,33% cao nhất; **Tiêu cực (đỏ)** là thấp nhất; và **Trung lập (vàng)** là ở giữa.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top ngành khối ngoại mua/bán ròng trong tuần

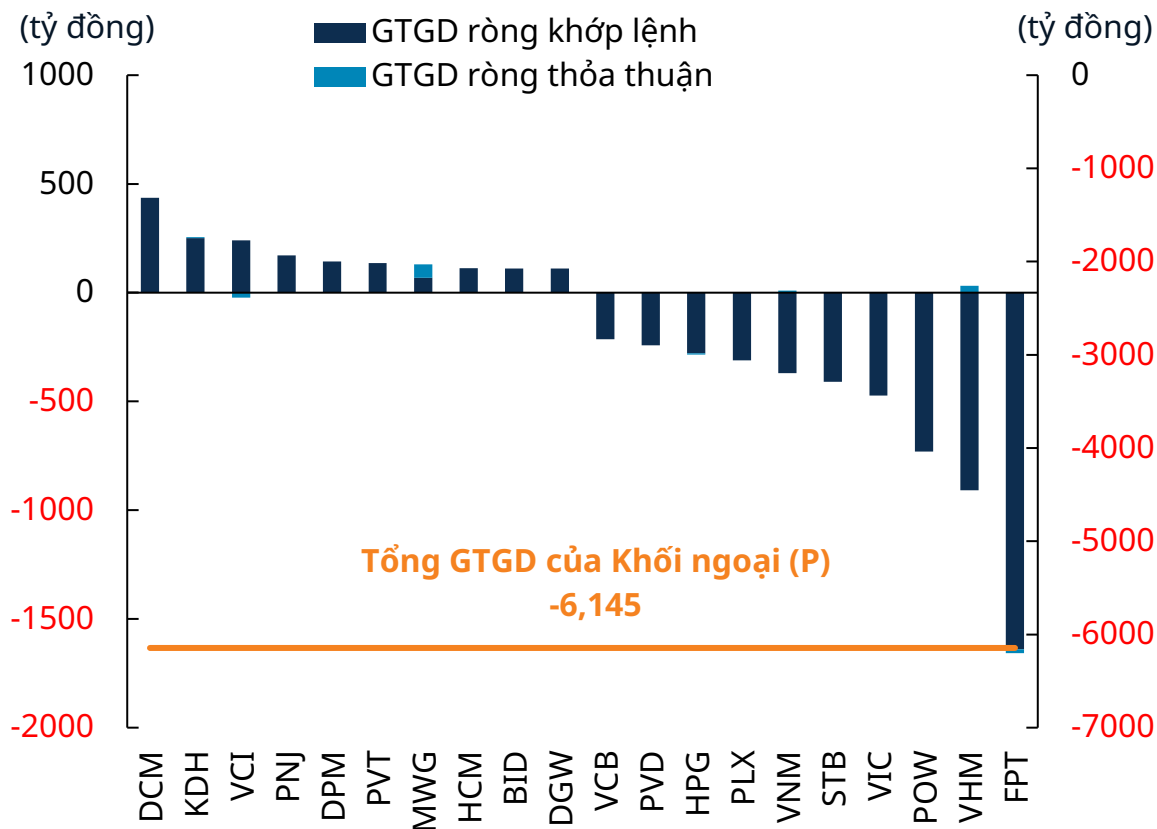
- Mua ròng: **May mặc và trang sức** (174,8 tỷ đồng).
- Bán ròng: **Bất động sản** (1.699 tỷ đồng), **Phần mềm và dịch vụ** (1.660 tỷ đồng), **Ngân hàng** (1.181 tỷ đồng).



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 06/03/2026.

Top cổ phiếu khối ngoại mua/bán ròng trong tuần

- Mua ròng: **DCM** (436 tỷ đồng), **KDH** (255 tỷ đồng), **VCI** (217 tỷ đồng);
- Bán ròng: **FPT** (1.657 tỷ đồng), **VHM** (877 tỷ đồng), **POW** (731 tỷ đồng).



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 06/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		8,276,327	1,767.8	1,901.2	1,158.2	-2.2	-6.0	0.7	34.1	15.9	2.1	14.6	14.68	28.30
VN30 Index		5,722,164	1,904.2	2,102.8	1,208.4	-2.0	-7.6	-2.0	38.0	14.6	2.2	16.2	18.08	17.37
VN100 Index		7,181,683	1,817.7	1,979.5	1,188.9	-1.8	-6.7	0.0	32.3	14.0	1.9	14.7	16.26	23.74
VNDiamond Index		1,716,988	2,539.5	2,795.1	1,894.2	-1.6	-8.3	-3.4	10.7	11.9	1.9	16.3	26.16	3.51
Ngân hàng	VCB	514,710	61,600	76,000	55,600	-1.4	-5.1	-5.4	-1.5	14.6	2.3	16.6	20.57	9.43
	BID	305,780	43,550	54,500	33,550	-1.9	-9.1	-15.3	6.7	10.2	1.8	19.5	17.34	12.66
	CTG	276,892	35,650	41,550	25,132	-1.5	-6.8	-4.7	23.8	8.0	1.6	21.2	25.31	4.69
	TCB	222,862	31,450	41,650	24,150	-2.3	-13.2	-9.1	13.5	8.8	1.3	16.0	22.52	0.02
	VPB	211,439	26,650	38,250	16,450	-1.3	-7.9	-0.6	39.2	8.8	1.3	15.5	24.97	5.03
	MBB	215,068	26,700	29,500	15,985	-1.3	-6.3	-2.4	46.2	8.0	1.6	21.6	23.22	0.02
	HDB	129,637	25,900	29,700	15,036	-0.2	-7.3	-2.3	45.7	7.3	1.7	25.4	22.84	4.16
	LPB	126,213	42,250	53,700	29,000	-1.4	-1.9	0.8	18.8	11.1	2.7	25.2	0.75	4.25
	ACB	119,684	23,300	29,400	19,565	-1.1	-5.1	1.3	1.5	7.7	1.3	17.6	27.10	2.90
	STB	120,277	63,800	67,200	34,100	-1.7	-2.6	3.7	61.5	20.3	2.0	10.3	14.33	15.67
	SHB	70,743	15,400	19,100	8,832	1.0	-3.4	0.3	74.0	5.9	1.0	19.1	3.32	26.68
	VIB	56,847	16,700	24,800	15,175	-0.9	-3.5	0.0	-9.1	7.8	1.2	16.4	4.72	0.27
	SSB	48,365	17,000	23,800	16,550	0.0	0.6	1.2	-12.6	9.0	1.2	14.2	0.13	4.87
	TPB	46,743	16,850	21,714	11,810	-1.2	-8.4	0.3	9.2	6.3	1.1	18.5	24.77	5.23
	EIB	41,073	22,050	30,900	16,900	-1.3	-5.8	7.0	-0.7	36.1	1.6	4.4	3.63	26.34
	MSB	36,192	11,600	15,625	8,750	0.0	-4.9	-3.3	21.6	6.4	0.9	14.2	29.07	0.93
OCB	29,693	11,150	15,400	9,093	-0.4	-4.3	-3.5	6.1	7.4	0.9	12.3	19.58	2.42	
NAB	23,419	13,650	17,000	12,080	0.0	-2.5	-2.5	0.4	5.6	1.0	19.6	1.40	28.60	
Dịch vụ tài chính	SSI	78,470	31,500	40,214	20,403	-6.0	-2.8	5.4	28.6	16.5	2.0	14.0	32.58	67.42
	VIX	43,248	17,650	33,907	9,048	1.9	-7.1	-1.4	85.2	5.9	1.5	28.9	8.00	92.00
	VND	27,630	18,150	27,350	13,650	-4.0	-2.9	2.8	31.5	13.7	1.3	10.0	11.18	88.82
	VCI	32,304	38,000	49,450	32,700	-6.2	-1.3	10.9	-1.3	20.4	1.5	8.7	18.53	81.47
	HCM	25,217	23,350	30,400	19,675	-4.7	-3.7	3.8	-9.8	20.0	1.7	9.4	34.27	14.73
	FTS	10,326	29,800	46,727	29,750	-6.7	-8.6	-6.4	-35.7	25.7	2.3	9.3	24.89	75.11
	DSE	10,406	24,300	31,225	18,910	-0.2	0.8	3.8	4.3	32.7	2.1	6.5	11.18	88.82
	BSI	9,275	37,800	56,000	37,050	-3.4	-2.8	0.8	-26.3	18.8	1.7	9.4	35.51	64.49
	EVF	10,344	13,600	16,500	8,450	1.5	-1.4	19.3	25.9	12.1	1.0	9.0	0.72	14.28
	CTS	6,487	30,500	46,500	22,273	-4.8	-3.9	1.7	10.1	10.3	2.3	22.6	0.54	48.46

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 06/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	56,862	76,600	84,200	42,700	0.8	-5.5	-1.8	32.8	19.1	2.3	12.6	27.31	21.69
Bất động sản	VIC	1,205,994	156,500	180,200	21,125	-5.0	-9.0	19.5	639.1	87.6	8.0	9.4	2.77	45.25
	VHM	390,204	95,000	142,800	43,300	0.0	-12.0	-2.6	117.9	9.5	1.7	18.7	7.96	42.04
	VPL	137,546	76,700	109,100	70,900	1.6	-8.1	-7.6	0.0	N/A	3.8	N/A	0.99	48.01
	VRE	59,648	26,250	43,550	17,450	-2.8	-9.6	-6.4	47.1	9.3	1.2	14.3	11.56	37.44
	KBC	30,230	32,100	43,100	21,800	-3.0	-9.3	-6.1	5.4	13.0	1.2	9.9	11.08	37.92
	KDH	28,841	25,700	37,500	22,091	-3.9	-5.7	1.2	-15.7	29.3	1.6	5.5	29.15	20.85
	PDR	15,566	15,600	27,200	13,935	-0.3	-4.9	-8.2	-15.8	30.1	1.3	4.4	6.59	43.41
	VPI	18,307	57,200	62,300	48,000	-1.0	-2.2	0.7	-1.7	46.6	3.5	7.8	9.64	39.36
	DXG	15,685	14,100	24,200	11,368	0.0	-6.6	-1.4	0.9	61.1	1.1	1.9	20.90	29.10
	SJS	15,141	50,900	79,000	32,819	-1.5	-1.5	2.0	22.1	42.4	4.7	9.8	0.58	49.42
	SIP	14,115	58,300	79,913	50,700	0.5	-6.3	-2.8	-26.3	10.7	2.7	27.0	2.76	46.24
	NLG	12,615	26,000	43,159	23,825	1.6	-6.6	-3.9	-14.1	17.8	1.0	5.9	40.73	9.27
	HDG	10,303	27,850	36,200	18,773	-1.6	2.0	6.7	10.6	14.6	1.5	10.9	19.24	30.76
	KOS	7,837	36,200	42,150	36,200	-0.5	-0.3	-5.2	-8.2	416.0	3.4	0.8	0.14	48.86
	BCM	60,651	58,600	80,000	53,800	-0.7	-12.9	-10.5	-22.1	17.6	2.7	16.5	1.04	32.96
	NVL	25,110	11,250	19,050	8,910	0.9	-8.5	-7.8	8.7	14.1	0.6	4.1	6.85	42.15
HDC	3,715	18,600	37,768	18,450	0.3	-11.0	-11.6	-18.5	5.8	1.3	24.9	1.55	47.45	
DXS	3,718	6,420	13,950	5,660	-1.4	-10.3	-7.8	-11.4	11.0	0.6	5.5	7.12	42.88	
Nguyên vật liệu	HPG	209,156	27,250	30,100	19,583	0.0	-5.4	1.7	17.0	13.5	1.6	12.7	22.39	26.61
	GVR	151,000	37,750	42,300	23,300	-6.9	-5.6	-3.2	11.0	27.4	2.7	10.1	0.71	12.29
	DGC	27,762	73,100	111,900	60,100	3.0	-0.9	11.9	-34.2	9.8	1.8	20.0	7.96	41.04
	DCM	26,205	49,500	50,000	27,900	3.8	15.3	27.6	40.8	15.5	2.4	16.2	7.16	41.84
	DPM	21,180	31,150	31,500	17,612	2.1	12.9	26.1	48.5	20.7	1.9	9.6	5.91	44.09
	HSG	9,191	14,800	21,100	13,350	-1.3	-8.4	-5.1	-21.9	14.5	0.8	5.6	4.20	44.80
	PHR	8,293	61,200	69,500	42,800	-1.3	-3.0	4.1	-5.7	17.5	2.0	13.2	13.34	35.66
	NKG	6,490	14,500	20,400	11,750	-1.4	-8.2	-1.0	-9.9	32.9	0.9	2.9	5.48	44.52
	HT1	6,525	17,100	18,500	10,100	-2.3	0.3	11.8	36.3	23.8	1.3	5.5	2.36	46.64

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 06/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	GEE	59,841	163,500	245,800	51,583	-0.9	-13.0	-0.9	196.8	18.0	8.0	48.6	0.60	49.40
	REE	33,583	62,000	70,000	53,478	-2.4	0.3	1.1	-3.3	13.3	1.6	12.7	49.00	0.00
	GEX	32,125	35,600	65,700	20,238	-1.0	-10.0	3.9	59.7	21.7	1.8	9.3	7.64	42.36
	VGC	20,624	46,000	66,600	36,500	-2.7	-10.2	-13.2	-9.3	14.7	2.4	16.5	2.59	46.41
	TCH	12,587	13,800	24,571	12,520	-1.1	-9.2	-6.1	-3.8	36.0	1.1	5.5	10.04	40.96
	BMP	12,361	151,000	184,200	105,500	-0.7	-4.7	-2.9	19.9	10.1	4.3	44.0	83.52	16.48
	VCG	12,962	20,050	28,600	17,870	1.8	4.7	10.2	-1.6	3.3	1.1	39.8	3.12	45.88
	CII	10,920	16,250	31,350	9,825	0.3	-7.9	-5.0	31.4	80.8	1.1	0.4	4.91	35.09
	CTR	9,666	84,500	121,200	79,600	-2.9	-11.3	-10.1	-29.5	16.1	4.7	30.5	5.46	43.54
	DIG	10,792	13,550	25,100	12,667	-1.5	-9.4	-11.4	-21.6	15.5	0.9	7.5	2.34	46.66
	PC1	11,578	28,150	30,150	17,087	-2.9	-6.6	14.0	36.9	12.5	1.8	15.4	16.00	34.00
	CTD	8,605	80,800	98,571	65,238	0.2	-8.8	0.9	-11.6	10.8	0.9	8.6	49.00	0.00
HHV	5,870	11,800	16,941	9,904	-1.7	-5.6	-2.1	-0.9	9.8	0.6	5.9	10.17	38.83	
SZC	5,472	30,400	46,200	28,300	-3.5	-11.9	-13.3	-33.6	15.9	1.7	10.9	4.92	15.08	
Tiện ích	GAS	270,492	112,100	122,000	54,175	-6.3	3.9	-2.5	69.1	23.7	4.1	18.0	2.27	46.73
	POW	44,637	14,550	15,350	9,092	-4.0	0.3	7.8	45.5	17.6	1.2	7.1	3.47	46.53
	BWE	9,996	45,450	53,000	38,000	0.4	1.7	4.5	1.2	12.2	1.7	14.5	3.97	45.03
	NT2	7,960	27,650	28,300	17,300	-2.0	-0.4	3.4	37.2	7.2	1.6	24.4	12.77	36.23
	PLX	78,777	62,000	67,000	33,300	-4.2	7.3	8.8	42.0	33.0	3.0	10.3	15.07	4.93
Dầu khí	PVD	23,514	42,300	43,100	17,150	0.1	9.6	28.8	78.5	25.7	1.4	6.3	12.14	36.86
	BSR	185,520	37,050	37,800	9,319	4.1	18.8	50.9	202.2	35.8	3.1	8.9	2.07	46.93
	PVT	14,427	30,700	30,700	14,811	7.0	27.7	46.9	55.3	13.9	1.7	12.7	11.52	37.48

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 06/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Thực phẩm và Đồ uống	VNM	130,413	62,400	73,000	53,800	-1.3	-8.5	-9.7	-0.8	15.5	4.3	26.7	48.48	51.52
	MSN	105,986	73,300	94,000	53,100	-2.7	-7.2	-6.3	5.9	27.1	3.2	12.5	23.12	76.88
	SAB	58,485	45,600	53,800	42,650	-0.1	-5.8	-6.5	-11.3	13.6	2.8	19.9	58.38	41.62
	HAG	19,708	15,550	18,400	10,750	-1.9	-2.5	-3.4	23.9	8.3	1.5	19.4	2.05	46.95
	SBT	20,165	23,000	26,750	14,000	-3.6	-4.6	-3.4	59.7	30.1	1.8	5.9	19.96	80.04
	VHC	13,288	59,200	71,200	47,000	-2.5	-3.7	-1.3	-16.7	9.7	1.4	15.0	20.51	79.49
	KDC	14,577	50,300	59,000	49,650	-0.2	-1.9	-3.5	-13.3	28.0	2.0	7.6	16.20	33.80
	DBC	9,468	24,600	31,696	20,783	-1.8	-7.3	-9.4	-8.7	6.3	1.2	20.3	1.72	47.28
	ANV	6,563	24,650	33,450	13,850	-3.5	-8.9	-9.7	41.3	6.6	1.9	31.6	3.24	45.76
PAN	7,019	33,600	35,300	22,100	-0.1	1.8	11.3	18.5	10.4	1.3	12.9	21.27	27.73	
Bán lẻ	MWG	121,439	82,700	93,900	50,600	-2.9	-11.2	-6.4	33.6	17.3	3.7	23.3	47.70	1.30
	FRT	25,647	150,600	171,000	104,800	-5.3	-10.9	-6.1	3.4	32.3	4.9	26.1	32.50	16.50
	DGW	9,897	44,750	54,900	30,900	-2.7	-12.6	-16.4	9.1	17.9	2.9	17.1	20.86	28.14
Vận tải	VJC	92,528	156,400	212,500	82,400	0.0	-11.0	-5.8	62.1	41.5	3.7	10.1	6.52	23.48
	GMD	33,267	78,000	85,100	43,100	0.9	-7.6	9.1	27.9	21.3	2.5	12.1	40.85	8.15
	VTP	11,886	97,600	158,900	94,400	-3.0	-9.0	-11.8	-38.3	34.1	6.7	20.8	5.36	43.64
	VSC	9,116	24,350	33,850	11,720	-5.3	-6.0	9.2	63.6	26.7	1.7	6.9	1.56	47.44
	SCS	5,228	55,100	75,000	51,300	-2.0	-3.8	2.8	-26.0	7.0	3.5	53.2	10.68	19.32
Phần mềm và dịch vụ	FPT	139,006	81,600	124,087	81,500	-3.3	-12.2	-16.4	-33.7	14.8	3.8	28.3	34.48	14.52
	CMG	7,314	31,400	41,636	27,909	-1.4	-9.8	-9.6	-22.6	18.1	2.4	13.5	38.02	11.98
May mặc và trang sức	PNJ	39,062	114,500	127,000	69,600	-1.3	-6.1	5.1	22.2	14.2	2.9	23.1	48.74	0.26
Dược phẩm	IMP	8,301	53,900	55,700	39,200	-0.7	-0.2	-0.4	15.7	26.8	3.6	13.6	51.04	26.92

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 06/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Quỹ mở và ETF

Hiệu suất giao dịch

Loại quỹ	Mã quỹ	Mã AMC	Ngày thành lập	Giá trị NAV / đơn vị	Hiệu suất (%)					
					Kể từ khi	1 tháng	6 tháng	YTD	1 năm	3 năm
Cổ phiếu	MAGEF	MAGI	07/2019	22,927.45	129.27%	2.72%	-2.66%	4.26%	33.22%	88.17%
	SSI-SCA	SSIAM	09/2014	47,355.74	373.56%	3.59%	-3.74%	-1.06%	13.53%	90.65%
	VEOF	VCFM	07/2014	38,070.72	280.71%	7.66%	-2.01%	0.58%	20.89%	76.00%
	VESAF	VCFM	04/2017	37,198.19	271.98%	10.92%	-1.20%	0.37%	17.34%	78.75%
	DFVN-CAF	DFVN	01/2019	19,216.27	92.16%	8.92%	-1.35%	3.62%	19.31%	54.26%
	UVEEF	UOBAM	11/2022	18,690.23	86.90%	1.03%	-0.95%	4.07%	26.10%	73.78%
	BVFED	BVF	01/2014	31,096.00	210.96%	-0.24%	-1.46%	-3.18%	33.39%	82.78%
	BVPF	BVF	12/2016	23,309.00	133.09%	2.58%	-3.04%	-0.85%	8.00%	51.25%
	FVEF	FIDES	04/2023	17,269.00	72.69%	7.29%	0.95%	5.61%	33.79%	-
	KDEF	KIM	04/2025	13,387.52	33.88%	3.44%	-2.22%	-0.85%	-	-
	LHCDF	LIGHTHOUSE	05/2024	12,077.24	20.77%	3.84%	1.92%	-3.37%	6.25%	-
	VCBF-BCF	VCBF	08/2014	45,911.02	359.11%	4.51%	-3.26%	4.65%	26.74%	83.25%
	VCBF-MGF	VCBF	12/2021	15,594.54	55.95%	9.39%	-1.29%	2.85%	12.62%	89.05%
	VCBF-AIF	VCBF	02/2025	12,206.89	22.07%	-	-2.05%	5.65%	-	-
	TCGF	TCAM	10/2024	12,142.13	21.42%	0.82%	-4.72%	-8.33%	16.27%	-
	DCDS	DRAGON CAPITAL	05/2024	109,432.02	994.32%	1.14%	-0.74%	-1.52%	33.37%	108.62%
DCDE	DRAGON CAPITAL	02/2008	33,240.51	232.41%	6.66%	0.35%	-4.56%	22.13%	80.30%	
PHVSF	PHU HUNG	11/2022	13,962.26	39.62%	4.01%	-2.89%	-4.50%	13.47%	38.93%	
Trái phiếu	MAFF	MAGI	11/2021	13,430.88	34.31%	1.11%	0.46%	3.11%	6.61%	24.56%
	SSIBF	SSIAM	08/2017	16,612.24	66.12%	0.80%	0.40%	2.27%	5.09%	22.46%
	VFF	VCFM	04/2013	25,807.41	158.07%	1.08%	0.51%	3.79%	7.17%	23.29%
	DFVN-FIX	DFVN	02/2021	11,991.22	19.91%	0.54%	0.02%	2.30%	4.98%	14.51%
	BVBF	BVF	04/2016	21,997.00	119.97%	1.45%	0.06%	2.92%	5.78%	22.04%
	FBF	FIDES	01/2022	12,306.00	23.06%	0.77%	0.38%	2.20%	4.65%	16.47%
	LHBF	LIGHTHOUSE	12/2022	14,756.10	47.56%	0.58%	0.11%	1.69%	4.88%	-
	VCBF-FIF	VCBF	08/2019	15,624.29	56.24%	2.30%	1.19%	3.69%	6.84%	24.92%
	DCBF	DRAGON CAPITAL	06/2013	29,329.17	193.29%	1.14%	0.70%	3.50%	7.03%	24.84%
	DCIP	DRAGON CAPITAL	04/2019	11,981.19	19.81%	0.99%	0.32%	2.87%	5.61%	20.09%
Cân bằng	VIBF	VCFM	07/2019	20,419.69	104.20%	3.21%	-0.97%	1.44%	12.57%	47.17%
	VCBF-TBF	VCBF	12/2013	39,877.37	298.77%	3.69%	-1.55%	4.33%	18.82%	63.64%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fund Distribution fundteam@miraeasset.com.vn, cập nhật ngày 06/03/2026.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.